

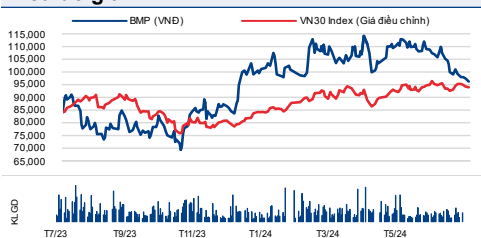
Nắm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ97,100
Tiềm năng tăng/giảm: 0.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/7/2024)	96,400
Mã Bloomberg	BMP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	69,438-114,141
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	96,700
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,891
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	311
Slg CP lưu hành (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	13.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	83.5%
Tỷ lệ freefloat	33.1%
Cổ đông lớn	Nawa Plastic (55.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	5,157	4,875	5,118
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,506	1,371	1,250
LNTT (tỷ đồng)	1,307	1,175	1,026
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,041	934	816
FCF (tỷ đồng)	1,545	718	772
EPS ĐC (đồng)	12,717	11,412	9,964
DPS (đồng)	12,650	11,000	9,500
BVPS (đồng)	32,857	32,619	31,583
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	(8.93)	(8.86)
T.trưởng EPS ĐC (%)	49.9	(10.3)	(12.7)
Tăng trưởng DPS (%)	50.6	(13.0)	(13.6)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	29.2	28.1	24.4
Tỷ suất LNTT (%)	25.3	24.1	20.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	20.2	19.2	15.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	99.5	96.4	95.3
Nợ thuần/VCSH (%)	(26.5)	(21.5)	(20.2)
ROAE (%)	39.2	34.9	31.0
ROACE (%)	49.8	44.3	40.4
EV/doanh thu (lần)	1.15	1.26	1.21
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.94	4.48	4.95
P/E ĐC (lần)	7.58	8.45	9.67
P/B (lần)	2.93	2.96	3.05
Lợi suất cổ tức (%)	13.1	11.4	9.85

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhựa Bình Minh là công ty sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam nhờ vào chất lượng sản phẩm vượt trội và thương hiệu hàng đầu cả nước.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2024: Lợi nhuận thuần vượt dự báo 8% nhờ chi phí giảm xuống

- BMP đã công bố KQKD Q2/2024, với lợi nhuận thuần đạt 280 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ nhưng vượt 8% so với dự báo của HSC, trên doanh thu thuần 1,15 nghìn tỷ đồng (giảm 14% so với cùng kỳ, sát với dự báo của chúng tôi). Lợi nhuận vượt dự báo do chi phí đầu vào thấp hơn dự kiến.
- Sản lượng tiêu thụ trong Q2/2024 giảm 13% so với cùng kỳ, sát với dự báo, trong khi tỷ suất lợi nhuận thuần tăng mạnh lên 24%, mức tỷ suất lợi nhuận theo quý cao thứ hai trong lịch sử của BMP, nhờ chi phí đầu vào thuận lợi.
- Trong khi đó, mặc dù phục hồi so với quý trước (nhờ yếu tố mùa vụ) nhưng BMP vẫn tiếp tục mất thị phần trong giai đoạn này do chiến lược bán giá cao.
- HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ với giá mục tiêu 97.100đ (tiềm năng tăng giá 1%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

Vào thứ Ba ngày 16/7/2024, BMP đã công bố BCTC Q2/2024, cho thấy lợi nhuận thuần đạt 280 tỷ đồng (giảm 5% so với cùng kỳ, tăng 48% so với quý trước) trên doanh thu thuần 1.153 tỷ đồng (giảm 14% so với cùng kỳ). Doanh thu sát với dự báo của HSC ở mức 1.159 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần vượt 8% so với dự báo của chúng tôi ở mức 260 tỷ đồng, chủ yếu là do giá hạt nhựa PVC thấp hơn dự kiến. Theo đó, lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2024 đạt 470 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ và bằng 50% dự báo lợi nhuận thuần cả năm 2024 của HSC ở mức 934 tỷ đồng (giảm 10% so với năm 2023). Chi tiết như sau.

Sản lượng tiêu thụ yếu làm giảm doanh thu

Trong Q2/2024, HSC ước tính BMP tiêu thụ được khoảng 19.696 tấn ống nhựa, giảm 13% so với cùng kỳ. Mặc dù phục hồi 23% so với quý trước (nhờ yếu tố mùa vụ) nhưng điều này cho thấy mức độ hồi phục trong sản lượng của BMP đang thấp hơn với tốc độ phục hồi của ngành. Theo phân tích của chúng tôi, sản lượng Q2 năm 2024 của cả ngành đã phục hồi với mức tăng cao hơn đạt 38% tăng trưởng so với quý trước và tăng 11% so với cùng kỳ, đạt 90.561 tấn.

Trong nửa đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ của BMP chỉ đạt 35.706 tấn, giảm 24% so với cùng kỳ. Theo đó, chúng tôi ước tính thị phần của BMP đã giảm xuống chỉ còn 22,8% trong nửa đầu năm 2024, mức thấp nhất trong 5 năm qua và thấp hơn nhiều so với mức 26,6% trong năm 2023 và 28,7% trong nửa đầu năm 2023.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Lợi nhuận Q2/2024, BMP

Lợi nhuận thuần Q2/2024 vượt 8% ước tính của HSC trong khi doanh thu sát với dự báo

Tỷ đồng	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2024	% sv cùng kỳ	2024F	% đạt dự báo HSC
Sản lượng (tấn)	19,696	-13.2%	23.0%	35,706	-23.9%	82,600	43%
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	58.5	-0.5%	-6.5%	60.4	2.0%	59.0	
Doanh thu thuần	1,153	-13.7%	15.0%	2,156	-22.3%	4,875	44%
Lợi nhuận thuần	280	-4.9%	47.6%	470	-18.3%	934	50%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	24.3%			21.8%		19.2%	

Nguồn: BMP, HSC

Với mức sản lượng tiêu thụ ước tính này và giá bán bình quân trong Q2/2024 khiến doanh thu thuần đạt 1.153 tỷ đồng (giảm 14% so với cùng kỳ nhưng tăng 15% so với quý trước). Tính chung nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 2.156 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ và bằng 44% dự báo cả năm 2024 của HSC ở mức 4.875 tỷ đồng (giảm 6,3% so với năm 2023).

Tỷ suất lợi nhuận tăng thêm giúp hỗ trợ lợi nhuận thuần

Tỷ suất lợi nhuận thuần Q2/2024 đạt 24%, mức tỷ suất lợi nhuận theo quý cao thứ hai trong lịch sử được ghi nhận (mức cao nhất ghi nhận trong quý 1/2016 là 27,5%), được hỗ trợ bởi giá hạt nhựa PVC (nguyên liệu đầu vào chính trong sản xuất ống nhựa) ổn định và thuận lợi. Chi tiết về tỷ suất lợi nhuận và cơ cấu chi phí như sau:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 đạt mức cao kỷ lục mới là 43,8% so với 42,4% trong quý trước và 42,9% của cùng kỳ. Bên cạnh chi phí đầu vào rẻ hơn, BMP cũng giảm tần suất giảm giá trong Q2/2024 so với các quý trước. Trên thực tế, lợi nhuận gộp Q2/2024 đạt 506 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ nhưng tăng 18,9% so với quý trước.
- Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý /doanh thu chỉ đạt 12%, mức thấp nhất kể từ Q1/2023, do có ít chương trình khuyến mãi cho đại lý hơn. Điều này giúp làm tăng tỷ suất lợi nhuận trong ngắn hạn nhưng có khả năng làm tổn hại đến thị phần và vị thế lâu dài của BMP. Chi phí bán hàng & quản lý đạt 141 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ và 22% so với quý trước, mức giảm này diễn ra nhanh hơn so với mức giảm của sản lượng tiêu thụ.
- Trong khi đó, lỗ tài chính tăng lên 16 tỷ đồng từ 3 tỷ đồng trong Q2/2023 và 9 tỷ đồng trong Q1/2024, do các khoản thanh toán chiết khấu.

Duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giữ nguyên giá mục tiêu 97.100đ

Sau khi giá cổ phiếu giảm 10% trong 1 tháng qua và 13% trong 3 tháng qua, BMP đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,1 lần, hơi thấp hơn bình quân 7 năm ở mức 9,4 lần.

Với lợi nhuận thuần Q2/2024 vượt nhẹ 8% so với dự báo của HSC, KQKD của BMP hiện đã đạt 44% và 50% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi. Hiện tại, HSC dự báo doanh thu thuần đạt 4.875 tỷ đồng (giảm 6%) và lợi nhuận thuần đạt 934 tỷ đồng (giảm 10%). HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận của mình (lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm là -10%) và tiếp tục tin tưởng BMP sẽ duy trì chính sách cổ tức tiền mặt cao.

HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ đối với BMP và giữ nguyên giá mục tiêu 97.100đ (tiềm năng tăng giá 1%). Với lợi suất cổ tức trong 12 tháng tới là 11%, giảm xuống mức 10% trong năm tới (vẫn là mức cao), định giá BMP dường như đã sát giá trị hợp lý dù triển vọng lợi nhuận không hấp dẫn.

Bảng 2: Diễn biến tỷ suất lợi nhuận theo quý, BMP

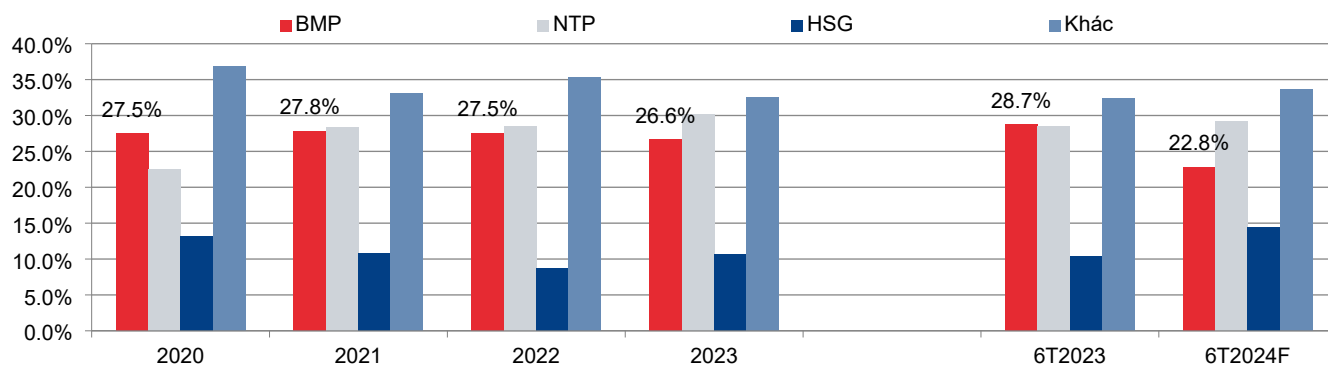
Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt mức cao kỷ lục mới trong Q2/2024 trong khi tỷ lệ chi phí BH&QL/doanh thu ở mức thấp nhất kể từ Q1/2023

	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024
Tỷ suất lợi nhuận gộp	38.52%	42.85%	43.02%	40.62%	42.38%	43.84%
Tỷ suất LNTT	24.2%	27.3%	28.7%	21.8%	23.3%	30.0%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	19.4%	21.9%	22.3%	17.5%	18.7%	24.0%
Chi phí BH&QL / Doanh thu	12.9%	15.0%	14.3%	17.8%	17.6%	12.0%

Nguồn: BMP

Biểu đồ 3: Tình hình thị phần ống nhựa, Việt Nam

HSC ước tính BMP đã đánh mất thị phần và hiện ở mức thấp nhất trong 5 năm qua là 22,8% trong 6 tháng đầu năm 2024



Ghi chú: NTP (HSC không khuyến nghị) là CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong & HSG (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu: 25.300đ) là CTCP Tập đoàn Hoa Sen
 Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	5,808	5,157	4,875	5,118	5,482
Lợi nhuận gộp	1,608	2,116	2,009	1,898	1,927
Chi phí BH&QL	(632)	(783)	(814)	(829)	(915)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	975	1,333	1,195	1,069	1,012
Lãi vay thuần	(102)	(27.1)	(22.5)	(45.9)	(58.5)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(4.94)	(2.13)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	3.26	3.12	2.95	3.10	3.32
LNTT	871	1,307	1,175	1,026	957
Chi phí thuế TNDN	(177)	(266)	(241)	(210)	(196)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	694	1,041	934	816	761
Lợi nhuận thuần ĐC	694	1,041	934	816	761
EBITDA ĐC	1,146	1,506	1,371	1,250	1,200
EPS (đồng)	8,481	12,717	11,412	9,964	9,292
EPS ĐC (đồng)	8,481	12,717	11,412	9,964	9,292
DPS (đồng)	8,400	12,650	11,000	9,500	9,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	359	821	675	629	613
Đầu tư ngắn hạn	965	1,190	1,121	1,126	1,096
Phải thu khách hàng	279	174	311	330	355
Hàng tồn kho	577	364	487	512	548
Các tài sản ngắn hạn khác	36.0	44.2	41.8	43.9	47.0
Tổng tài sản ngắn hạn	2,215	2,594	2,637	2,640	2,660
TSCĐ hữu hình	386	292	163	92.0	64.0
TSCĐ vô hình	7.20	5.91	4.99	5.60	7.09
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Đầu tư vào Cty LD,LK	64.4	62.3	62.3	62.3	62.3
Tài sản dài hạn khác	370	299	341	358	384
Tổng tài sản dài hạn	830	661	574	520	519
Tổng cộng tài sản	3,045	3,255	3,211	3,160	3,179
Nợ ngắn hạn	55.2	55.2	52.2	53.7	54.8
Phải trả người bán	91.4	154	146	167	185
Nợ ngắn hạn khác	188	202	191	200	214
Tổng nợ ngắn hạn	403	546	521	556	592
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	423	565	541	575	611
Vốn chủ sở hữu	2,621	2,690	2,670	2,585	2,568
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,621	2,690	2,670	2,585	2,568
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,045	3,255	3,211	3,160	3,179
BVPS (đ)	32,021	32,857	32,619	31,583	31,375
Nợ thuần/(tiền mặt)	(303)	(766)	(623)	(575)	(559)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	975	1,333	1,195	1,069	1,012
Khấu hao	(170)	(172)	(177)	(181)	(188)
Lãi vay thuần	(102)	(27.1)	(22.5)	(45.9)	(58.5)
Thuế TNDN đã nộp	(131)	(147)	(241)	(210)	(196)
Thay đổi vốn lưu động	(59.9)	461	(211)	(17.3)	(0.30)
Khác	121	54.0	62.4	83.2	92.9
LCT thuần từ HKKD	799	1,623	786	882	853
Đầu tư TS dài hạn	(70.0)	(77.7)	(67.8)	(110)	(162)
Góp vốn & đầu tư	(922)	(1,715)	(68.8)	4.87	(29.7)
Thanh lý	797	-	46.2	(23.0)	3.11
Khác	50.0	106	115	98.7	96.4
LCT thuần từ HĐĐT	(145)	-	24.8	(29.4)	(91.8)
Cổ tức trả cho CSH	(467)	(966)	(954)	(900)	(778)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(2.11)	0.01	(3.01)	1.58	1.07
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(469)	(966)	(957)	(899)	(777)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	173	359	821	675	629
LCT thuần trong kỳ	186	-	(146)	(46.7)	(15.2)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.02	0.01	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	359	-	675	629	613
Dòng tiền tự do	729	1,545	718	772	692

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.7	41.0	41.2	37.1	35.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.7	29.2	28.1	24.4	21.9
Tỷ suất LNT (%)	12.0	20.2	19.2	15.9	13.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.3	20.4	20.5	20.5	20.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.6	(11.2)	(5.47)	5.00	7.10
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	118	31.4	(8.93)	(8.86)	(3.97)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	224	49.9	(10.3)	(12.7)	(6.75)
Tăng trưởng EPS (%)	224	49.9	(10.3)	(12.7)	(6.75)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	224	49.9	(10.3)	(12.7)	(6.75)
Tăng trưởng DPS (%)	223	50.6	(13.0)	(13.6)	(5.26)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	99.0	99.5	96.4	95.3	96.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.3	39.2	34.9	31.0	29.5
ROACE (%)	39.4	49.8	44.3	40.4	39.0
Vòng quay tài sản (lần)	1.97	1.64	1.51	1.61	1.73
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.82	1.22	0.66	0.82	0.84
Số ngày tồn kho	50.1	43.7	62.1	58.0	56.3
Số ngày phải thu	24.2	20.9	39.6	37.4	36.5
Số ngày phải trả	7.94	18.5	18.6	19.0	19.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(11.4)	(26.5)	(21.5)	(20.2)	(19.6)
Nợ/tài sản (%)	1.92	3.31	3.17	3.35	3.48
EBIT/lãi vay (lần)	9.53	49.3	53.1	23.3	17.3
Nợ/EBITDA (lần)	0.05	0.07	0.07	0.08	0.09
Chỉ số TT hiện thời (lần)	5.49	4.75	5.06	4.75	4.50
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.14	1.15	1.26	1.21	1.14
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.78	3.94	4.48	4.95	5.20
P/E (lần)	11.4	7.58	8.45	9.67	10.4
P/E ĐC (lần)	11.4	7.58	8.45	9.67	10.4
P/B (lần)	3.01	2.93	2.96	3.05	3.07
Lợi suất cổ tức (%)	8.71	13.1	11.4	9.85	9.34

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn